

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Bản án số: 99/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 10 năm 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Phụng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải.
2. Ông Vũ Xuân Miện.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Hiên – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 474/2019/TLST-HNGĐ ngày 13/5/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/9/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Khánh L, sinh năm: 1991. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 215 đường L, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm: 1991. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số LK2-16, Khu dân cư K, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Dương Thị Khánh L trình bày:

Chị L và anh M quen, tìm hiểu nhau được thời gian, sau đó quyết định tiến tới hôn nhân, ngày 19/12/2015 tổ chức đám cưới và sống chung như vợ chồng. Đến năm 2017 chị L và anh M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, thành phố V và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 85 ngày 06/9/2017, kết hôn trên cơ sở tự nguyện.

Từ sau khi chị L và anh M chung sống với nhau và cả khi đã đăng ký kết hôn thì vợ chồng chung sống không hạnh phúc nguyên nhân là do anh M không quan tâm đến vợ, con, sống vô tâm, không có trách nhiệm với vợ, con không lo làm mà ham chơi, thường xuyên uống rượu bia say. Chị L đã nhiều lần khuyên và bỏ qua cho anh M để vợ chồng sống vui vẻ, hạnh phúc nhưng không thành. Chị L và anh M sống ly thân từ khoảng tháng 8/2019 đến nay. Từ khi sống ly thân đến nay cả chị L và anh M không ai quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho nhau, không hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ chung sống. Nay chị L không còn tình cảm với anh M, nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị và anh M được ly hôn. (Bl 08 tập 01, Bl 21 tập 2)

Về con chung: Chị L và anh M có một con chung là cháu Nguyễn Văn M Q, sinh ngày 26/12/2017. Chị L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung là cháu Q và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, ngày 05/9/2019 chị L có “Đơn xin thay đổi một phần khởi kiện” thay đổi không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đ/tháng. (Bl 08 tập 1, bl 24 tập 2)

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

2. Đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn M: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh M đến Tòa án làm việc nhưng anh M không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Sau đó Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ của anh M tại Công an Phường M, thành phố Vũng Tàu thì anh M có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 877E đường G, Phường M, thành phố Vũng Tàu, nhưng thực tế ở tại số nhà LK2-16 Khu dân cư K, Phường M, thành phố Vũng Tàu. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với anh M theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về ly hôn, người trực tiếp nuôi con, chị Ly không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Trong vụ án này đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung. Không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới cũng như không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người làm chứng hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng về cơ bản đúng, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên xét xử vắng mặt là đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định giữa chị L và anh M có mâu thuẫn, không hạnh phúc, chị L và anh M đã sống ly thân từ tháng 8/2019 đến nay, chị L không còn tình cảm với anh M. Chị L và anh M có một con chung là cháu Nguyễn Văn Minh Q, sinh ngày 26/12/2017, từ khi cháu M sinh ra đến nay đều do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, nay chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận cho chị L và anh M được ly hôn, về con chung

chị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Q, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Dương Thị Khánh L khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với bị đơn anh Nguyễn Văn M, có địa chỉ tại số LK2-16 Khu dân cư K, Phường M, thành phố Vũng Tàu được xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Đối với bị đơn là anh M Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh M tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường M, thành phố Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 85 ngày 06/9/2017, nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.1] Chị L trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M sống vô tâm, không quan tâm, chăm lo cho vợ, con, anh M không lo làm mà ham chơi, thường xuyên uống rượu bia say và không đưa tiền để chị L nuôi con, không chia sẻ về tinh thần cũng như vật chất cùng chị L. Chị L nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh M không nghe dẫn đến vợ chồng to tiếng cãi nhau thường xuyên. Mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng hơn, nên tháng khoảng tháng 8/2019 chị L đã đưa con ra ngoài không chung sống cùng anh M, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh M được thể hiện tại “Biên bản xác minh” ngày 26/6/2019 có nội dung: Giữa chị L và anh M có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh M không quan tâm, chăm lo cho gia đình, vẫn còn ham chơi, công việc của anh M không ổn định nên dẫn đến vợ chồng thường xảy ra to tiếng, cãi nhau, chị L và anh M đã sống ly thân. Như vậy, qua nội dung xác minh nêu trên thấy rằng vợ chồng chị L, anh M có mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân là có thật và đúng với trình bày của chị L. Mặt khác, anh M vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không lấy được lời khai của anh M, tuy nhiên anh M là người chồng người cha nhưng không quan tâm đến vợ con, vợ chồng sống ly thân đã lâu nhưng anh M không cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng để gia đình đoàn tụ. Từ đó thấy rằng cuộc sống vợ chồng giữa chị L và anh M không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và nay chị L không còn tình cảm với anh M, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L ly hôn với anh M (B1 08 tập 01, B1 21 tập 2, B1 32 tập 4 và biên bản phiên tòa)

[3] Về con chung: Chị L và anh M có một con chung là cháu Nguyễn Văn Minh Q, sinh ngày 26/12/2017.

[3.1] Xét yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung là cháu Q của chị L: Cháu Q hiện nay hơn một tuổi cháu còn nhỏ, từ khi sinh ra và cả khi chị L và anh M

sống ly thân thì cháu ở với chị L được chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ngoài ra, chị L làm kế toán tại Công ty CP TMDV tổ hợp đô thị mới C, công việc và thu nhập ổn định nên đảm bảo việc nuôi con. Do đó, chị L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Q là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận chị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Q.

[3.2] Theo đơn khởi kiện ngày 25/4/2019 của chị L yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đ/tháng, tuy nhiên quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa chị Ly thay đổi yêu cầu là không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Xét thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con của chị L là tự nguyện, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và không gây bất lợi cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị L phải chịu số tiền là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Khánh L.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Khánh L và anh Nguyễn Văn M ly hôn.

Về con chung: Chị Dương Thị Khánh L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Văn Minh Q, sinh ngày 26/12/2017, anh Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh M được quyền thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Dương Thị Khánh L phải nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006997 ngày 13/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên, các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố V;
- Chi Cục THA DS thành phố V;
- UBND Phường B, thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu.

Ngô Thị Phụng

